

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm, ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D - sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 12, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn L - sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu 12, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

NỘI D V VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn L đăng ký kết hôn ngày 28/10/1992 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

mâu thuẫn vợ chồng có được khu dân cư khuyến giải nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, các bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn L có 03 con chung là Hoàng Thị H - sinh ngày 07/8/1993, Hoàng Hải Y - sinh ngày 12/6/1998 và Hoàng L Vũ - sinh ngày 26/9/2003. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Hoàng Văn L có tài sản chung là thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² tại khu 17 (nay là khu 12), xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ, thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL797329 ngày 22/7/2013 ghi tên người sử dụng anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị D; Tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà ba tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép, mái hiên, sân, cổng nhà, tường rào, 01 cây Mít có đường kính 10cm và 01 cây Bưởi có đường kính 5cm. Nguồn gốc tài sản là vợ chồng nhận chuyển nhượng và xây dựng. Khi ly hôn thì giao toàn bộ tài sản cho anh L sở hữu, sử dụng, anh L thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị là ½ giá trị toàn bộ tài sản đã được Hội đồng định giá.

Về nợ chung: Chị và anh Hoàng Văn L không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Chị và anh Hoàng Văn L không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn ngày 28/10/1992 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Tháng 6/2023 chị D đã mang quần áo và đồ dùng sinh hoạt cá nhân đến nhà em gái của chị D ở khu 11, xã V, huyện L để ở, anh có gọi điện cho chị D nhưng chị D không nghe điện thoại, anh có nhắn chị gái của chị D và con gái của anh là bảo chị D về nhà để cùng anh chung sống nhưng chị D không về dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị D xin ly hôn thì anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị D có 03 con chung là Hoàng Thị H - sinh ngày 07/8/1993, Hoàng Hải Y - sinh ngày 12/6/1998 và Hoàng L Vũ - sinh ngày 26/9/2003. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị D có tài sản chung là thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² tại khu 17 (nay là khu 12), xã V, huyện L,

tỉnh Phú Thọ, thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL797329 ngày 22/7/2013 ghi tên người sử dụng anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị D; Tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà ba tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép, mái hiên, sân, cổng nhà, tường rào, 01 cây Mít có đường kính 10cm và 01 cây Bưởi có đường kính 5cm. Nguồn gốc đất là vợ chồng nhận chuyển nhượng, sau khi xây nhà xong thì anh bán nhà và đất của bố mẹ để cho để lấy tiền chi phí xây nhà. Khi ly hôn anh nhận sở hữu toàn bộ tài sản và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị D theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị D nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản thì anh nhất trí nhưng chị D phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh 2.500.000.000 đồng, số tiền này bao gồm cả tiền công sức đóng góp của anh vào tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị D không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Anh và chị Nguyễn Thị D không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 33, Điều 55 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Không giải quyết vì các con chung của chị D và anh L đã trưởng thành và lao động tự túc được.

Về tài sản chung: Giao cho anh Hoàng Văn L sở hữu, sử dụng thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² tại khu 17 (nay là khu 12), xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ trị giá 928.000.000 đồng; tài sản gắn liền với thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 là 01 ngôi nhà ba tầng trị giá 625.704.000 đồng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn trị giá 63.843.840 đồng, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép trị giá 10.562.400 đồng, mái hiên, cổng nhà, sân, tường rào tổng trị giá 270.000.000 đồng, 01 cây Bưởi có đường kính gốc cây 5cm trị giá 157.900 đồng, 01 cây Mít có đường kính gốc cây 10cm trị giá 357.000 đồng. Tổng tài sản anh L được sở hữu, sử dụng trị giá 1.898.625.140 đồng.

Anh Hoàng Văn L phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị D là 949.312.000 đồng.

Về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chị D và anh L mỗi người phải chịu 3.800.000 đồng. Chị D đã nộp toàn bộ số tiền này nên anh L phải hoàn trả cho chị D 3.800.000 đồng.

Về án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung: Chị D và anh L mỗi người phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Hoàng Văn L là bị đơn hiện cư trú tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị D xin ly hôn anh Hoàng Văn L, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L đăng ký kết hôn ngày 28/10/1992 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L là hợp pháp. Chị D và anh L đều xác định vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, chị D và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị D xin ly hôn thì anh L nhất trí. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh L là phù hợp. Vì vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh L.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có 03 con chung là Hoàng Thị H - sinh ngày 07/8/1993, Hoàng Hải Y - sinh ngày 12/6/1998 và Hoàng L Vũ - sinh ngày 26/9/2003. Xét thấy 03 con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được, chị D và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Xét thấy chị D và anh L có tài sản chung là thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² tại khu 17 (nay là khu 12), xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ, thửa đất đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL797329 ngày 22/7/2013 ghi tên người sử dụng anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị D; Tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà ba tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép, mái hiên, cổng nhà, sân, tường rào, 01 cây Mít có đường kính khoảng 10cm và 01 cây Bưởi có đường kính khoảng 5cm. Chị D và anh L thống nhất thỏa thuận là giao toàn bộ tài sản cho anh L sở hữu, sử dụng. Vì vậy, giao toàn bộ tài sản cho anh L sở hữu, sử dụng. Chị D và anh L không thống nhất được số tiền thanh toán chênh lệch tài sản nên căn cứ vào giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá và cần xem xét công sức đóng góp của các bên.

Hội đồng định giá đã định giá toàn bộ tài sản như sau: Thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² (trong đó đất ở 67m², đất vườn 263m²) tại khu 12, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ trị giá 928.000.000 đồng; tài sản gắn liền với thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 là 01 ngôi nhà ba tầng trị giá 625.704.000 đồng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn trị giá 63.843.840 đồng, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép trị giá 10.562.400 đồng, mái hiên, cổng nhà, sân, tường rào tổng trị giá 270.000.000 đồng, 01 cây Bưởi có đường kính gốc cây 5cm trị giá 157.900 đồng, 01 cây Mít có đường kính gốc cây 10cm trị giá 357.000 đồng. Tổng tài sản trị giá 1.898.625.140 đồng.

Về công sức đóng góp tài sản: Anh L cho rằng sau khi xây nhà xong thì anh bán nhà và đất của bố mẹ anh cho để lấy tiền trả nợ những khoản vay đã chi làm nhà nhưng chị D không thừa nhận. Theo quy định tại Điều 6 và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh L phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng không chứng minh được. Mặc dù chị D và anh L thống nhất thỏa thuận là giao toàn bộ tài sản cho anh L sở hữu, sử dụng nhưng trước khi thỏa thuận thì anh L đề nghị giao toàn bộ tài sản cho chị D sở hữu, sử dụng và chị D thanh toán chênh lệch tài sản cho anh L 2.500.000.000 đồng, như vậy anh L xác định giá trị toàn bộ tài sản theo thực tế là lớn hơn giá trị tài sản của Hội đồng định giá, toàn bộ tài sản giao cho anh L sở hữu, sử dụng nên anh L được lợi về tài sản hơn chị D. Vì vậy, anh L thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị D là ½ giá trị toàn bộ tài sản đã được Hội đồng định giá là phù hợp. Số tiền anh L thanh toán chênh lệch tài sản cho chị D là 949.312.000 đồng.

[5] Về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị D và anh L không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Xét thấy số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.600.000 đồng. Chị D và anh L thuận tình ly hôn và thỏa thuận mỗi người phải chịu 3.800.000 đồng. Chị D đã nộp toàn bộ số tiền này nên anh L hoàn trả cho chị D 3.800.000 đồng.

[7] Về quyền lưu cư: Xét thấy chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

[8] Về án phí ly hôn: Xét thấy chị D và anh L thuận tình ly hôn khi hòa giải nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn.

[9] Về án phí chia tài sản chung: Xét thấy chị D và anh L đều được chia tài sản nên mỗi người phải chịu án phí tương đương với phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 55; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L.

3. Về con chung: Không giải quyết vì các con của chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L đã trưởng thành và lao động tự túc được.

4. Về tài sản chung và số tiền chi phí tố tụng:

4.1. Về tài sản chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L có tài sản chung là thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² (Trong đó 67m² đất ở, 262m² đất vườn) tại khu 17 (nay là khu 12), xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL797329 của UBND huyện Lâm Thao cấp ngày 22/7/2013 ghi tên người sử dụng anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị D); tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà ba tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép, mái hiên, sân, cổng nhà, tường rào, 01 cây Mít có đường kính 10cm và 01 cây Bưởi có đường kính 5cm.

Giao cho anh Hoàng Văn L sở hữu, sử dụng thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 diện tích 330m² (Trong đó 67m² đất ở, 262m² đất vườn) tại khu 12, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ trị giá 928.000.000 đồng; tài sản gắn liền với thửa đất số 744 tờ bản đồ số 7 là 01 ngôi nhà ba tầng trị giá 625.704.000 đồng, 01 ngôi nhà cấp bốn mái lợp tôn trị giá 63.843.840 đồng, 01 nhà bếp mái đổ bê tông cốt thép trị giá 10.562.400 đồng, mái hiên, cổng nhà, sân, tường rào tổng trị giá 270.000.000 đồng, 01 cây Bưởi có đường kính gốc cây 5cm trị giá 157.900 đồng, 01 cây Mít có đường kính gốc cây 10cm trị giá 357.000 đồng. Tổng tài sản giao cho anh L sở hữu, sử dụng trị giá 1.898.625.140 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi đồng). Khi án có hiệu lực pháp luật, anh L có nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đính chính tên người sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh L phải thực hiện nộp các khoản tiền theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn L phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị D là 949.312.000 đồng (Chín trăm bốn mươi chín triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

4.2. Về chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận chị D đã nộp tiền xong.

Anh Hoàng Văn L phải chịu 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị Nguyễn Thị D đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng nên anh Hoàng Văn L phải hoàn trả cho

chị Nguyễn Thị D 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không trả tiền cho người được thi hành án mà người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì không ai yêu cầu.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 40.479.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí là 40.554.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002495 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị D còn phải nộp 40.254.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Anh Hoàng Văn L phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 40.479.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí anh Hoàng Văn L phải chịu là 40.554.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm năm mươi tư nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên

